

Phụ lục H. Phiếu dữ liệu an toàn

Phiếu dữ liệu an toàn (SDS) trước đây là phiếu dữ liệu an toàn vật liệu (MSDS). SDS cung cấp thông tin có giá trị về hóa học, có thể được sử dụng để đánh giá rủi ro và đề ra các biện pháp quản lý để bảo vệ sức khỏe con người và môi trường. Ngoài ra, SDS có các thông tin quy định và ở cấp độ thành phần có giá trị để giúp nhà cung cấp tránh các vấn đề về chất bị hạn chế.

Phiếu dữ liệu an toàn dựa trên tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu

SDS có thể khác nhau rất nhiều về dạng thức. AFIRM khuyên các nhà cung cấp cần yêu cầu SDS có chất lượng cao từ các nhà cung cấp hóa chất của họ sử dụng Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS). GHS là tiêu chuẩn toàn cầu được chấp nhận rộng rãi do Liên hiệp quốc quản lý, cung cấp thông tin toàn diện nhất khi kết hợp với các quy định nội bộ quốc gia.

Để biết thêm thông tin, bao gồm các ví dụ về tập tin SDS và ghi chép chi tiết về từng phần SDS, vui lòng xem mục Hướng dẫn & Đào tạo Quản lý Hóa chất dành cho Nhà sản xuất của Hiệp hội Công nghiệp Ngoài trời. Trang 40-44 của tài liệu này nêu chi tiết về Bảng Dữ liệu An toàn. Hướng dẫn có tại đây: https://cdn.manula.com/user/10559/11844_12661_en_1497037271.pdf?v=20181002032847

Các hạn chế trong Phiếu dữ liệu an toàn

SDS chỉ trình bày một đặc tính hóa học cụ thể mà chúng dự kiến mô tả. Do đó, SDS trình bày một hóa chất được sử dụng trong sản xuất một sản phẩm không nhất thiết áp dụng cho chính sản phẩm cuối cùng.

Ví dụ như mực in có thể được sử dụng để làm thay đổi màu áo sơ-mi, nhưng lượng hóa chất (theo khối lượng) trong mực in có thể được rửa sạch hoặc bay hơi trước khi sản phẩm sẵn sàng được đưa ra thị trường. Một cảnh báo khác của SDS đối với hỗn hợp hóa chất là trong nhiều trường hợp, chỉ những hóa chất hiện diện trên 1% (hoặc 0,1% nếu hóa chất là chất gây ung thư) cần được tiết lộ. Điều này hiện có thể dẫn đến nhận thức không hoàn chỉnh về rủi ro liên quan đến việc sử dụng một sản phẩm hóa học riêng biệt. Do đó, mặc dù SDS ghi chép một đặc tính hóa học được chọn để tạo ra sản phẩm, cần phải có thêm chuyên môn để hiểu rõ về các quy trình sản xuất và ghi chép chính xác các hóa chất có thể có trong sản phẩm cuối cùng.

Các phần quan trọng

SDS thường là một tài liệu dày đặc thông tin. Tuy nhiên, có những phần nhất định cần đặc biệt chú ý. Đây là những phần được tô đậm trong Hình 9.

- A Ngày phiên bản** trong vòng ba năm qua.
- B Thông tin liên hệ** đối với nhà cung cấp trong trường hợp người đọc có thêm câu hỏi về sản phẩm.
- C Tuyên bố nguy hiểm** cho phép đánh giá nhanh về rủi ro.
- D Chữ tượng hình**, có thể được sử dụng trong dán nhãn tại chỗ để truyền đạt rõ ràng các rủi ro với người lao động.
- E Tên thông thường của thành phần** để hóa chất này có thể được nghiên cứu thêm.
- F Nồng độ của từng thành phần**, cho phép nhà cung cấp xác định rủi ro liên quan.
- G Số CAS** của các thành phần hóa học—hữu ích để cập nhật quy định liên quan đến sản phẩm.
- H Những nguy hiểm ở mức thành phần**; được sử dụng với nồng độ để xác định rủi ro liên quan.

Mặc dù MSDS có thể khác nhau về dạng thức, các nhà cung cấp của AFIRM nên yêu cầu các nhà cung cấp hóa chất cung cấp SDS tương tự với những ví dụ được ưa tiên ở đây.

Hình 9. Các yếu tố quan trọng của Phiếu dữ liệu an toàn

SAFETY DATA SHEET
Version 5.7
Revision Date 11/07/2017
Print Date 08/23/2018

1. PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION

1.1 Product identifiers
Product name : Mineral oil standard mixture Type A and B for EN 14039 and ISO 16703
Product Number :
Brand :

1.2 Relevant identified uses of the substance or mixture and uses advised against
Identified uses : Laboratory chemicals, Synthesis of substances

1.3 Details of the supplier of the safety data sheet
Company :

For the full text of the H-Statements mentioned in this Section, see Section 16.

2.2 GHS Label elements, including precautionary statements
Pictogram
Signal word : Danger
Hazard statement(s)
H225 Highly flammable liquid and vapour.
H304 May be fatal if swallowed and enters airways.
H315 Causes skin irritation.
H336 May cause drowsiness or dizziness.
H351 Suspected of causing cancer.
H410 Very toxic to aquatic life with long lasting effects.
Precautionary statement(s)
P201 Obtain special instructions before use.

3.2 Mixtures

Hazardous components		Classification	Concentration
Component			
Heptane	CAS-No. 142-82-5 EC-No. 205-563-8 Index-No. 601-008-00-2	Flam. Liq. 2; Skin Irrit. 2; STOT SE 3; Asp. Tox. 1; Aquatic Acute 1; Aquatic Chronic 1; H225, H304, H315, H336, H410	90 - 100 %
Fuels, diesel, no. 2	CAS-No. 68476-34-6 EC-No. 270-676-1 Index-No. 649-227-00-2	Flam. Liq. 4; Carc. 2; STOT SE 3; Asp. Tox. 1; Aquatic Acute 2; Aquatic Chronic 2; H227, H304, H336, H351, H411	0.1 - 1 %